

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN YÊN THẾ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BẮC GIANG

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 15/4/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến

2. Ông Dương Ngô Phiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 23/10/2023 về việc "tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hứa Thị H, sinh năm 1986

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

(Chị H có mặt. Anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn là chị Hứa Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến khoảng 04 năm trở lại đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên chơi bời không lo lắng làm ăn dẫn đến vợ chồng cãi vã thường xuyên. Mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả thậm chí anh T còn chơi bời nhiều hơn, khi về nhà còn đánh chị và đập

phá đồ đạc trong nhà. Nay chị thấy hai bên không còn tiếng nói chung, không tin tưởng nhau, chị thấy mệt mỏi về tình trạng của vợ chồng. Chị yêu cầu ly hôn anh **T**

- Về con chung: Chị và anh **T** có 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh ngày 24/02/2007 và cháu **Nguyễn Tiến T1**, sinh ngày 28/10/2013. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con cho anh chị nuôi theo nguyện vọng của các cháu. Chị đang làm công nhân thu nhập 7.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản, công nợ: chị không yêu cầu giải quyết.

* *Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **H** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y nhưng anh không nhớ thời điểm kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận bên nhà chị **H**. Khoảng năm 2022 - 2023 chị **H** đi làm công ty được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh nghe thấy và chứng kiến chị **H** có quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Từ tháng 10/2023 anh và các con đã về nhà đẻ của anh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Ban đầu chị **H** yêu cầu ly hôn nhưng anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ vì các con nhưng nay anh không còn hy vọng đoàn tụ, anh không còn tình cảm vợ chồng với chị **H**, chị **H** yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị **H** có con chung như chị **H** trình bày. Hiện tại hai cháu đang ở cùng anh, do anh nuôi dưỡng, chị **H** không gửi tiền cho anh nuôi con. Anh làm nghề thợ xây thu nhập đủ điều kiện nuôi các con. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, công nợ: Anh không yêu cầu giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị **H** giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh. Chị đồng ý giao cả hai con chung cho anh **T** nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**, xử cho chị **H** ly hôn anh **T**. Giao cháu **H1** và cháu **T1** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng. Không giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ. Chị **H** phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, thủ tục tố tụng:

- Chị **H** nộp đơn yêu cầu ly hôn và giải quyết việc nuôi con với anh **T** có nơi cư trú tại **huyện Y**. Tòa án nhân dân huyện Yên Thế thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp ly hôn, nuôi con” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh **T** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh **T**.

[2] Về yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **T**:

Chị **H** và anh **T** kết hôn năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại gia đình nhà chị **H**, tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng 04 năm trở lại đây anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn anh chị trình bày có khác nhau, theo chị **H** là do anh **T** ham chơi không tu trí làm ăn, theo anh **T** là do chị **H** đi làm công ty có quan hệ ngoại tình nhưng hai bên đều thừa nhận anh chị đã bất đồng quan điểm, cãi vã thường xuyên. Anh chị đều thừa nhận, hai bên đã nhiều lần trao đổi tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn, hai bên gia đình đã khuyên nhủ hòa giải nhưng không thành, anh chị vẫn không hòa thuận được. Từ tháng 10/2023 đến nay anh **T** và các con đã về bên nhà đẻ của anh sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó. Nay chị **H** xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị kiên quyết yêu cầu ly hôn anh **T**. Anh **T** cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng và đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại gia đình và địa phương nơi anh chị cư trú cũng xác định được từ khi chị **H** đi làm công ty được một thời gian thì anh chị mâu thuẫn về tình cảm, đánh cãi chửi nhau, Ban quản lý thôn đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng mâu thuẫn của anh chị vẫn không tháo gỡ được. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H**, cho chị **H** ly hôn anh **T**.

[3] Về việc nuôi con chung: chị **H** và anh **T** có là cháu **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh ngày 24/02/2007 và cháu **Nguyễn Tiến T1**, sinh ngày 28/10/2013. Từ khi anh chị ly thân đến nay, các cháu sinh sống cùng anh

T. Khi ly hôn, chị **H** đề nghị giao con theo nguyện vọng của các cháu. Anh **T** yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung. Anh **T** có công việc xây dựng và thu nhập đủ nuôi con. Theo nguyện vọng thì cháu **T1** muốn ở với anh **T**, cháu **H1** là con gái đang sắp đến tuổi trưởng thành nhưng cháu tha thiết muốn ở với bố và đề nghị Tòa án giao cháu ở với bố. Tại phiên tòa chị **H** đồng ý giao cả hai con chung cho anh **T** nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai cháu và anh **T**. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cả cháu **T1** và cháu **H2** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và anh chị.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: anh **T** và chị **H** đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: chị **H** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: chị **H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị **H** và anh **T** có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hứa Thị H** ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung:

- Giao cho anh **Nguyễn Văn T** trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu **Nguyễn Thị Hồng H1**, sinh ngày 24/02/2007 và cháu **Nguyễn Tiến T1**, sinh ngày 28/10/2013.

- Sau khi ly hôn, chị **H** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị **H** thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: không giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Hứa Thị H** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu 0000366 ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị **H** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **H** có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- CCTHADS huyện Yên Thế;
- UBND xã Đông Kỳ,
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng